

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2020

*V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Thuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Sương.
2. Bà Nguyễn Thị Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn H Lĩnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 461/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Yến T, sinh năm 1988; *nơi cư trú:* Tổ 6, khu phố 5, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Phong H, sinh năm 1983; *nơi cư trú:* Tổ 7, khu phố 1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 05/12/2019, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Yến T trình bày: Chị và anh Huỳnh Phong H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2011 tại UBND thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh H không chăm lo cho gia đình, thường xuyên chửi bới và xúc phạm chị nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, giữa chị và anh H còn phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, do đó chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên là Huỳnh Nhật Hòa, sinh ngày 30/9/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng giáo dục con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Hòa hiện nay đang sinh sống cùng với anh H. Chị hiện đang làm công nhân may mặc tại Công ty Cổ phần may Nhà Bè Đức Linh, thu nhập bình quân tháng khoảng hơn 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Huỳnh Phong H trình bày: Về quá trình đăng ký kết hôn theo như lời trình bày của chị Đinh Thị Yến T là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế và cách nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nên chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 7/2019 cho đến nay. Anh và gia đình có gặp chị T để khuyên nhủ, động viên để quay về chung sống nhưng chị T vẫn không đồng ý. Nay chị T đã cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Huỳnh Nhật Hòa, sinh ngày 30/9/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung hiện nay đang ở cùng với anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng việc hòa giải không thành.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ những quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Đinh Thị Yến T và ông Huỳnh Phong H có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân chính dẫn đến việc bà T có đơn khởi kiện ly hôn là do hai người không cùng quan điểm sống, giữa hai người xảy ra tình trạng ly thân từ lâu. Xét thấy, bà T không còn tình cảm yêu thương đối với ông H, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên Huỳnh Nhật Hòa, sinh ngày 30/9/2013. Cháu Hòa đang sống chung với ông H, bà T có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng, cháu Hòa có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Hòa cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Yến T và anh Huỳnh Phong H tự nguyện kết hôn vào năm 2011 tại UBND thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh chị bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dạy con chung và mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Vì không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần tuy nhiên anh chị vẫn không thể quay về chung sống với nhau. Vì vậy căn cứ theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H xác định anh chị có 01 con chung là cháu Huỳnh Nhật Hòa, sinh ngày 30/9/2013 và anh chị đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào điều kiện của mỗi bên, nguyện vọng của con và quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu Hòa hiện nay đang ở cùng với anh H, tuy nhiên cháu Hòa có nguyện vọng được ở cùng chị T. Thấy rằng, nguyện vọng của cháu là tha thiết được ở cùng với mẹ; đồng thời chị T là người có đạo đức tốt, công việc có thu nhập nên chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu này của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên không cần phải xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Cần buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 2

Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

**1/ Về hôn nhân:** Chị Đinh Thị Yến T ly hôn anh Huỳnh Phong H.

**2/ Về con chung:** Giao cho chị Đinh Thị Yến T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Huỳnh Nhật H, sinh ngày 30/9/2013. Anh Huỳnh Phong H không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cháu H hiện đang chung sống cùng với anh H.

**3/ Về tài sản chung, nợ chung:** Chị T và anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

**4/ Về án phí:** Buộc chị Đinh Thị Yến T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003253 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5/ Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/5/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

-VKSND huyện Đức Linh,  
-Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,  
-UBND TT. Đức Tài,  
-Các đương sự,  
-Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Thuận**





